

DANH THẮNG CHÙA THẦY TẠI SÀI SƠN TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

Nguyễn Tất Đạt

Học viện Hành chính Quốc gia

Tóm tắt: Quần thể danh thắng Chùa Thầy ở Sài Sơn không đơn giản chỉ là di tích kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo. Ngược lại, một sự mô tả không gian địa lý thuần túy là không đủ để nói lên chiều sâu lịch sử văn hóa của khu vực. Không thể tách rời giữa mô tả địa lý với các hàm ý lịch sử văn hóa khi nhìn nhận toàn bộ khu vực này trong một không gian nhất định. Xuất phát từ một ý thức như thế, bài viết này thực hiện một tổng quan về danh thắng này từ góc nhìn chính thể địa văn hóa và lịch sử tổng thể.

Từ khóa: Chùa Thầy, Sài Sơn, địa văn hóa, tổng quan.

Nhận bài ngày 20.4.2023, gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 23.5.2023

Liên hệ tác giả: Nguyễn Tất Đạt; Email:

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quần thể danh lam thắng cảnh Chùa Thầy ở Sài Sơn không đơn thuần chỉ là di tích kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo. Ở đây, một sự mô tả không gian địa lý thuần túy là không đủ để nói lên chiều sâu cũng như bề rộng của các mối liên hệ lịch sử văn hóa của khu vực. Mô tả tách rời các phương diện từ địa lý cho tới lịch sử và tín ngưỡng sẽ không giúp cho ta thấy rõ hơn những giá trị văn hóa hàm ẩn trong toàn bộ thực thể không gian cảnh quan quần thể danh thắng này. Xuất phát từ một ý thức như thế, bài viết này thực hiện một tổng quan về danh thắng này từ góc nhìn chính thể địa văn hóa và lịch sử tổng thể.

2. NỘI DUNG

2.1. Không gian địa văn hóa Sài Sơn

Sở dĩ chúng tôi dùng cách nói “địa văn hóa” ấy là vì một sự mô tả không gian địa lý thuần túy là không đủ để nói lên chiều sâu lịch sử văn hóa của khu vực. Đơn giản là vì đây không phải là một chốn hoang dã mà là nơi chốn sinh sống của cộng đồng qua cả hàng ngàn năm. Không có sự tách rời giữa mô tả địa lý với các hàm ý lịch sử văn hóa khi nhìn nhận toàn bộ khu vực này trong một không gian nhất định. Đơn giản chỉ vì ngay địa danh tên núi đã cho thấy các thực thể địa lý này đã được hình dung nhận thức bởi một ngôn ngữ tức cũng bởi một nhân qua văn hóa dân tộc. Chẳng hạn cách gọi các hòn núi theo hình dáng của những con vật từ chim cho đến thú dù là chim hay thú truyền thuyết đi nữa – Phượng Hoàng, Kỳ Lân, Sơn Tượng,... Thuyết phong thủy đúng hay sai đó là một chuyện, nhưng mà việc dùng nó để “đọc hiểu” địa lý khu

vực đã cho thấy cách “đọc hiểu” cảnh quan tự nhiên quê hương của cộng đồng dân cư xã hội bản địa. Theo cách nhìn của thuyết phong thủy, núi Sài Sơn (柴山) như con rồng lẽ đàn giữa xung quanh những núi đá tượng hình lân, phượng, quy, cóc trong khu núi đá hơn mười ngọn rải rác trong một vùng thuộc địa phận các xã Sài Sơn, Phương Cách, Yên Sơn và thị trấn Quốc Oai, gồm núi Sài Sơn, Long Đầu, Hoa Sơn, Phương Hoàng, Kỳ Lân, Sơn Tượng, Hoàng Xá,... Núi Sài Sơn có hình vòng cung độ cao khoảng 100 mét trải từ Sài Sơn xuống tận Hoàng Xá. Trên núi nhiều cây cổ thụ hàng trăm năm tuổi, nhiều giống cây thuốc Nam quý giá. Núi Sài Sơn có các hang động nổi tiếng như hang Cốc Cờ, hang Thánh Hoá, hang Gió. Trên đỉnh núi có bãi đá gọi hình cảnh họp chợ, dân gian gọi Chợ Trời.

Từ một hình dung như thế ta có thể nói việc công nhận di tích quốc gia đặc biệt không chỉ riêng các kiến trúc chùa chiền mà còn cả không gian địa lý nơi chùa tọa lạc thành chính thể cảnh quan chung cũng là kết quả của nhận thức sâu sắc không gian địa văn hóa Chùa Thầy ở Sài Sơn (Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2408/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 công nhận Chùa Thầy nghìn năm tuổi và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phương Cách là di tích quốc gia đặc biệt. Ngày 23/4 (tức ngày 5 tháng Ba âm lịch) năm 2015 lễ hội truyền thống Chùa Thầy sẽ chính thức khai hội cùng với buổi lễ trang trọng đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá cũng như Quyết định công nhận bảo vật quốc gia bộ tượng Di Đà Tam Tôn). Suy ngẫm kỹ điều này phần nào ta có thể mạnh dạn cắt nghĩa vì sao mà nét đặc biệt thấy rõ đầu tiên là chùa Thầy không có tam quan hay nghi môn. Chùa tọa lạc chân núi, các lớp nhà nâng dần nền theo độ cao của thế đất, hòa tựa vào thế núi đưa lại cảm giác bề thế hơn thực tế mà lại vẫn hài hòa với cảnh quan địa hình địa mạo.

2.2. Chùa Thầy và truyền tích Thiền sư Từ Đạo Hạnh

Trên đã nói một di tích nhân tạo không chỉ được nhìn nhận đơn thuần chỉ như là công trình xây cất lên đầu đó. Nó thực sự hòa kết với không gian địa lý mà nó thuộc về để trở thành một chính thể địa lý – lịch sử hài hòa. Trong trường hợp Chùa Thầy, điều đó lại càng trở nên nổi bật. Là vì kiến trúc lịch sử này trong trạng thái tồn hiện đương đại như ta thấy hòa kết với núi non cây đá bản xứ nhưng từ khởi nguồn lịch sử nó tất yếu được xây lên ở đó – kỷ niệm vị Thiền sư trú trì hành đạo tại đó. Chùa Thầy gắn liền hành tích và tên tuổi Thiền sư Từ Đạo Hạnh (徐道行 1072-1116) - thiền sư thế hệ thứ 12 thuộc dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi (毘尼多流支, Phạn ngữ: Vinītaruci). Tương truyền sau khi đã học được pháp thuật, Từ Đạo Hạnh đến Sài Sơn dựng am Hương Hải (香海庵) ngày đêm tụng tập. Nhưng thiền sư không phải là người lánh đời. Ngài sống đời sống chan hòa với đời sống dân chúng. Ngài giảng đạo, dạy học, hái thuốc chữa bệnh, dạy dân đá cầu, đánh vật, múa rối nước,... Dân chúng tôn xưng “Thầy” và từ đó đã trở thành yếu tố định danh cho hàng loạt tên gọi Chùa Thầy, Làng Thầy, Tổng Thầy, Núi Thầy. Thiền sư đã tu tập ở đây cho đến ngày thoát xác trong hang Thánh Hoá. [1, tr.177].

Nói cách khác, không phải là người ta tùy thích chọn lấy một nơi chốn để xây cất công trình mà đơn giản chỉ vì đó là nơi mà con người được thờ bái từng sống cùng cộng đồng. Truyền tích Từ Đạo Hạnh và Chùa Thầy nhìn từ góc độ này gợi ý ta liên hệ đến chẳng hạn việc nơi ở và dạy học của Khổng Tử được tu bổ thành miếu thờ ông ở Khúc Phụ vậy. Truyền tích Từ Đạo Hạnh có tình tiết quan trọng – Từ Đạo Hạnh thác thân chuyển thế làm vua là Lý Thần Tông. Và sử

chép Lý Thần Tông dựng chùa kỉ niệm ở Sài Sơn. Huyền thoại dù sao cũng là huyền thoại, nhưng là một vị hoàng đế - Thần Tông hoàn toàn có thể dựng chùa ngay tại Kinh đô. Nhưng như ta thấy, chùa Thầy rốt cuộc được dựng ở nơi Thiên Sư sống và thác. Nội điều đó cũng đã cho thấy cái ý cảnh đó phải có chùa đó và ngược lại chùa đó phải ở cảnh đó thực sự cũng phản ánh chiều sâu của không gian địa lý- lịch sử Chùa Thầy Sài Sơn. Chùa Thầy (địa phương gọi Chùa Cả, tên chữ Thiên Phúc Tự 天福寺) nằm gói dựa chân núi Sài (tên chữ núi Phật Tích), địa phận thôn Thụy Khuê, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Di tích lịch sử quốc gia (1962), Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt (năm 2014). Tính từ Hồ Gươm chùa cách trung tâm thành phố Hà Nội khoảng 20 km về phía Tây Nam. Sử liệu kí tải chùa được xây dựng vào thời Lý Nhân Tông (1072-1127). Đương thời vua Lý Nhân Tông (李仁宗 1066 - 1127) đã cho dựng Chùa Cao (Đỉnh Sơn Tự 鼎山寺) trên nền am Hương Hải và xây Chùa Cả (hay cũng gọi Chùa Dưới, tên chữ Thiên Phúc Tự) ở chân núi. Chùa được trùng tu lớn dưới thời nhà Mạc. Chùa Thầy quay mặt hướng nam, trước chùa có sân rộng kế liền hồ Long Châu.

Nhìn trên tổng thể, Chùa Thầy nằm trên khuôn viên hình chữ nhật chiều ngang khoảng 40m, chiều dài độ 60m, gồm tam tòa Hạ, Trung, Thượng xây song song. Giữa chùa Hạ và chùa Trung có ống muống nối thông tạo hình chữ “Công”; Chùa Trung và chùa Thượng cách nhau bởi một giếng trời. Tam tòa đặt thành thế “hạ Công, thượng Nhất” (dưới hình chữ công: 工, trên hình chữ nhất: 一). Gọi hạ-trung-thượng phản ánh cách nhìn đi vào chùa dưới lên theo thứ tự các tòa xây cất trải dựa chân núi. Ta cũng có thể có cách gọi khác: Tòa ngoài Tiên Tế - Tòa giữa Trung Điện – Tòa trên Thượng Điện. Kết cấu tam tòa này của Chùa Thầy cũng được cất nghĩa là để thờ các hóa thân của Từ Đạo Hạnh, kỉ niệm ba "kiếp" của Từ Đạo Hạnh: Tăng, Phật và Đế vương. Phía sau chùa có lầu chuông, lầu trống. Tường lưng hai dãy hành lang chạy kèm hai bên các đầu hồi các tòa nhà làm thành dãy tường che kín hông chùa. Mỗi hành lang rộng gần 3 mét, chia thành 13 gian bày tượng các vị La Hán. Đầu hồi phía sau của hai hành lang thông liền gác chuông và lầu trống. Tam tòa kết hợp với hai dãy hành lang như thế khiến cho tổng thể Chùa Thầy có bố cục “nội Công, ngoại Quốc”. Hoặc cũng có thể miêu tả cụ thể thành “nội tiền Công, hậu Nhất, ngoại Quốc”. Chùa Thầy mái ngói mũi hài, tương truyền là ngói của Chùa Tây Phương cách đó 15 km, được chuyên về theo cách chuyên tay theo kiểu nối dây trong suốt quãng đường, vừa chuyên vừa lợp nội trong một ngày. Như trên đã nói, nhìn theo con mắt thuyết phong thủy thì Núi Sài là con rồng lẻ đàn. Chùa được dựng ở khu đất hàm rồng, quay mặt về hướng nam, nhìn ra hồ Long Châu, còn gọi là Long Trì. Bên hồ có ngọn Long Đầu làm tiền án, hậu chảm chùa là sườn núi Sài. Sân trước chùa tượng hình lưỡi rồng. Nhà Thủy Đình giữa hồ Long Trì như viên ngọc rồng vờn. Nhật Tiên Kiều và Nguyệt Tiên Kiều bắc hai bên như hai râu rồng. Các núi xung quanh được hình dung là quy phượng châu về.

2.3. Chùa Thầy - Trình tự chiêm bái di tích

Miêu tả đồng thời bố cục cảnh quan Chùa Thầy trên đây là kết quả của một tầm nhìn “toàn thể”. Trên thực tế cảnh chùa chỉ mở ra trong hành trình bái viếng thật sự. Theo thứ tự từ ngoài vào (tức cũng từ dưới lên) du khách bắt gặp đầu nhà Thủy Đình giữa Hồ Long Trì.

2.3.1. Nhà Thủy Đình

Nhà thủy đình tạo một nét riêng cho tổng thể kiến trúc chùa Thầy. Thủy Đình nổi ngợp giữa hồ nước rộng ôm trọn mặt trước toà tiền đường chùa là nơi biểu diễn rỗi nước trong ngày hội. Nhà Thủy Đình xây theo kiểu phương đình, móng đá ong, nền lát gạch Bát Tràng, mái lợp ngói mũi hài xếp kiểu vẩy cá. Thủy Đình kiến trúc kiểu chông diêm hai tầng tám mái với các góc đao cong, xung quanh có có tường gạch che 2 hồi và 2 gian bên. Trên tường gian trước trở cửa sổ song đắp hình chữ thọ. Cả toà gồm bốn cột cái, các vì kèo đặt kiểu “chông rường - bẩy hiên”. Các mái tầng trên được đỡ bởi có các con sơn nhỏ, gọi hình cánh một đóa sen nổi trên hồ. Bốn cột cái đỡ mái trên và mái dưới, 12 cột con dựng quanh đỡ đầu còn lại của các mái dưới. Thủy đình xây dựng khoảng thời Hậu Lê (1533-1788), sàn chia thành 2 cấp: giữa ngập nước, hai bên nhô cao trên mặt nước, là nơi để đồ diễn rỗi nước. Cũng có chuyên gia cho rằng nhà Thủy Đình vốn không bao tường tượng trưng cho tam quan chùa. Về sau người ta bao tường ba mặt để làm nơi diễn rỗi nước [2, tr.16-21].

2.3.2. Nguyệt Tiên Kiềm và Nhật Tiên Kiềm cùng Đền Tam Phủ

Hai bên, phía trước của toà Tiền Đường (thường gọi Chùa Hạ) là hai cây cầu Nhật Tiên và Nguyệt Tiên. Cả hai đều là những kiến trúc kiểu thượng gia hạ kiều (cầu có mái che) dáng hơi cong, gồm nhiều gian kiềm “kèo cầu bốn hàng chân”, khoảng cách giữa hai cột bằng chiều rộng của lòng cầu, trên lợp ngói. Chân cầu xây đá ong gồm 3 vòm cuốn. Mặt cầu lát gạch. Nhật Tiên Kiềm bên trái chùa thông sang Tam Phủ rộng ba gian dựng trên hòn đảo ở một góc phía Đông Ao Rông. Nguyệt Tiên kiềm bên phải chùa bắc qua một khoảng ao nối đường lên núi. Hai cầu này do trạng nguyên Phùng Khắc Khoan (馮克寬 1528- 1613, người làng Phùng Xá, Thạch Thất, tục xưng Trạng Bùng) xây cất cung tiến vào năm 1602, sau khi đi sứ nhà Minh về (Phùng Khắc Khoan đi sứ năm Đinh Dậu 1597) [2, tr.16-21].

2.3.3. Toà Tiền đường (chùa Hạ)

Chùa Hạ chỉ dùng làm nơi lễ bái, giảng đạo. Từ sân trước chùa qua ba bậc thềm cao khoảng một mét so mặt sân là vào toà Tiền Đường cao hơn 5 mét. Tòa nhà này rộng ba gian, hai chái, gồm 8 cột cái và 16 cột quân. Tòa Tiền Đường cửa làm kiểu bức bàn. Hai bên chái bung bằng chấn song con tiện thay cửa. Các mái toà tiền đường lợp ngói mũi hài, toả ra bốn phía với bốn đầu đao vươn cong lên trời. Bờ nóc, bờ dải được gắn gạch hộp. Hai đầu hồi hình vòm ruồi trở thủng hình mặt trời, hoa cúc, mây vờn. Nhà Tiền Đường này quen gọi là Chùa Hạ. Đây là nơi thờ tượng Đức Ông, Thánh Hiền. Trong nhà còn đặt một bức bình phong mô tả cảnh địa ngục. Dãy tượng Bát bộ Kim Cương bài trí dọc theo ống muống nổi giữa chùa Hạ và Chùa Trung [2, tr.16-21].

2.3.4. Toà Nhà nổi (gian ống muống)

Gian ống muống 2 mái, dài 4,1m rộng 4,5m, gồm bốn hàng chân cột, hai bộ vì cùng bốn kẻ góc đỡ đầu mái. Bộ vì kiểu “kẻ chuyền giá chiêng” với những trụ ngắn. Trang trí ẩn tượng nhất của gian ống muống là hai hàng lan can cùng với các chạm trở trên ván vách với phong cách điêu khắc gỗ thế kỉ 17. Gian ống muống không có tường có tác dụng lấy ánh sáng từ sân vào [2, tr.16-21].

2.3.5. Toà Thượng Điện (chùa Trung)

Chùa Trung là Đại Hùng Bảo Điện (thờ Tam Bảo). Chùa Trung dựng trên nền cao so nền Chùa Hạ ba bậc, cũng ba gian hai chái, 8 cột cái và 16 cột quân. Chùa Trung cũng dài bằng Chùa Hạ nhưng rộng gấp đôi và cũng cao hơn Chùa Hạ khoảng 0,5m, nguyên do là vì Chùa Hạ hoành trên rả theo lối “thượng tứ - hạ tứ”, nâng cao mái chùa lên. Rường khung Chùa Hạ niên đại thế kỷ 17, bộ mái thì trùng tu từ thời nhà Nguyễn. Chùa Trung đặt tượng Tam Thế, Tuyết Sơn, Di Lặc, Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, A Di Đà, Cửu Long. Hai dãy tượng Thập Điện Diêm Vương quay mặt vào nhau. Cùng dãy có thêm tượng Nam Tào, Bắc Đẩu. Ngoài ra còn có tượng Thánh Hiền, Diệu Nhiên, Đại Sỹ, Đức Ông, Hộ pháp cùng một đôi ngựa. Đặc biệt có tượng Khuyến Thiện cười sư tử được đắp từ thế kỷ 14. Tượng Hai tượng Hộ pháp mặt ngoài tô sơn cao gần 4m, niên đại thế kỷ 17, đắp bằng đất sét, giấy bản ngà cùng mặt, trứng,... Phía sau toà chùa Trung dẫn lên Điện Thánh là một khoảng sân hẹp để lấy ánh nắng và cũng là chỗ để trồng cây hoa, đặt chậu cảnh [2, tr.16-21].

2.3.6. Toà Điện Thánh (chùa Thượng)

Toà Điện thánh (cũng gọi Thượng Điện)¹ được các chuyên gia và học giả đánh giá là toà hậu đường cổ nhất của Việt Nam. Toà Điện thánh tục gọi Chùa Thượng cũng như Chùa Trung và Chùa Hạ đều ba gian hai chái. Điểm khác nổi bật là chỉ dài quá nửa hai chùa dưới nhưng lại chiều rộng gấp đôi và cao hơn hẳn (chiều cao cao 6m). Phía sau Chùa Thượng có hiên và bậc xuống sân liền với Nhà Tăng là công trình xây thêm về sau. Bậc đi xuống lát đá, thành bậc là đôi sáu đá đầu nghê mình sóc theo phong cách điêu khắc đá đời Trần. Chùa được duy tu nhiều lần nhưng hai trong số bốn cột cái vẫn là thời Trần (một cột gỗ Chò Vải một cột gỗ Ngọc Am chu vi 1,8m). Kết cấu gỗ Điện Thánh nhìn chung ít hoa văn, chủ yếu bào trơn đóng bén. Các đầu, rường nổi khối chắc khỏe. Bên ngoài, các mặt ván gỗ bung thì lại được chạm trổ tinh xảo, kỹ lưỡng các motif rồng, lân, phượng, hoa lá, vân mây và những đường cánh sen chạm lộng. Phía sau toà Điện thánh, từ cửa hậu xuống là hệ thống bậc đá mà thành bậc là đôi sáu đá đầu nghê mình sóc mang đậm phong cách điêu khắc thời Trần. Toà Điện thánh nội thất thoáng sáng do hệ thống cửa bức bàn gỗ bao hai bên hồi và phía sau. Ban thờ đức Ông và thánh Tăng có không gian riêng ở hai đầu hồi thượng điện, - hai khám thờ lớn. Các thanh xà nhỏ giữa cột cái và cột quân có tác dụng nối kết nâng giữ khám thờ. Khám thờ có lồng ván gỗ chia ô, chạm trổ và một cửa sổ con tiện. Bộ vì toà Thượng điện sử dụng hai dạng kết cấu “chồng rường - giá chiêng” và “giá chiêng, kê suốt”. Mái lợp ngói mũi hài với kết cấu tàu đao lá mái với các góc đầu đao uốn cong. Bộ mái còn được làm mềm đi bằng các diềm trang trí hình cánh sen khiến cho bộ mái trở nên nhẹ nhàng trong lúc chạm trổ bên trong lại khiến cho các mảng cấu trúc gỗ không gây cảm giác thô nặng. [2, tr.16-21]. Chùa Thượng là nơi ngưỡng thờ các tượng thánh tăng Từ Đạo Hạnh qua ba kiếp. Cũng có song thân thiền sư (ông bà Từ Vinh và Tăng Thị Loan cùng hai tượng bạn đồng đạo của ngài là Minh Không và Giác Hải. Trên cao là bức biển bốn đại tự “Đại Hùng Bảo Điện”. Bộ Di Đà Tam Tôn (đời Mạc) gồm Phật A Di Đà ngồi giữa, về mặt phúc hậu, Bồ tát Quán Thế Âm ngồi bên phải, một chân trái buông một chân phải co, tay cầm một cây phát trần, dáng điệu ung dung. Bồ tát Đại Thế Chí ngồi xếp bằng, hai tay bắt ấn mật phùng,

¹ Là Điện Thánh trong quần thể, nhưng gọi độc lập thì vẫn là “chùa” - “Chùa Thượng”.

phong thái an tĩnh. Dưới bộ Tam Tôn là bệ đá (bách hoa đài) tạc từ thời Trần, trên đế hòm đựng các đạo sắc phong lịch triều tôn phong Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Dưới nữa ngay chính giữa là tượng “Từ Đạo Hạnh vi Phật”. Tượng tạc thiền sư nhập định trên đài sen, khuôn mặt nghiêm nghị, khổ hạnh, thái dương nổi rõ mạch máu. Tượng ngự trên sư tử đá cuộn tròn trên bục bát giác đỡ lấy đài sen tôn tạo từ thời Lý. Dưới là bệ đá hai tầng hình hộp, viền chạm cánh sen, bốn mặt tạc rồng, bốn góc có hình chim thần Garuda niên đại đời Trần.

Bên phải điện Thánh là tượng “Từ Đạo Hạnh vi Vương” đội mũ bình thiên, khoác long bào, ngồi trên ngai vàng ứng với truyền thuyết thánh hóa đầu thai làm con trai của Sùng Hiền Hầu lên ngôi vua (Lý Thần Tông). Tượng tạc năm Thái Hòa đời vua Lê Nhân Tông. Niên hiệu Vĩnh Hựu (1735-1740), vua Lê Ý Tông cho đặt hai tượng người phỗng và đôi phượng gỗ đặt trước tượng Lý Thần Tông. Bên trái điện là tượng thiền sư ở kiếp Thánh, ngồi trong một khám gỗ chạm trổ tinh xảo. Tượng thiền sư kiếp Thánh tác toàn thân gỗ chiên đàn đặt trong khám. Tượng có dây cốt bên trong, liên kết với cửa khám. Tượng truyền xưa kia tượng có thể đứng dậy khi mở cửa khám và ngồi xuống khi cửa khám đóng lại, đóng cửa tượng lại từ từ ngồi xuống. Đến lúc cụ Cao Xuân Dục làm tuần phủ Sơn Tây (1841-1293) có bàn với các bậc kỳ lão trong xã rằng đã là Thánh thì không phải chào người phàm, để ngài phải đứng dậy khi mở cửa khám là thất lễ. Dây máy nối khớp kỹ thuật làm rời nước được tháo bỏ từ đó và tượng yên tọa từ đó đến nay. Điện Thánh nằm trên một cấp nền cao hơn hẳn Điện Phật gần một mét, lối lên phân thành bảy bậc đá hẹp. Quanh nền Điện Thánh kê xếp đá lô nhô trồng lẫn bụi cây, khóm hoa đưa lại cảm giác tòa nhà dựng trên gò núi cao giữa thảo mộc. Miêu tả trên cho thấy bố cục “tiền Phật hậu Thánh” của Chùa Thầy: ngoài thờ Phật ở tiền và trung đường còn thờ thánh ở gian hoặc điện phía sau. Khu vực đồng bằng Bắc Bộ còn có một số chùa cùng cấu trúc. Vị thánh thờ trong chùa “tiền Phật hậu Thánh” thường là sư tăng đời Lý-Trần có hành tích liên quan đến ngôi chùa nhất định. Không hiếm khi, đó là một vị thiền sư có công hay chí ít cũng là người đặt nền móng dựng chùa. Vì lí do đó mà dân làng hay dân trong vùng tôn thành Thánh và thờ bái trong chùa. Câu chuyện tương tự như việc đời sau có một số nhà nho, quan lại có công được tôn làm thành hoàng, thờ trong các đền miếu vậy. Thường thì các chùa “tiền Phật hậu Thánh” là các chùa có điện Thánh độc lập tương đối thành đơn nguyên kiến trúc phía sau thượng điện chùa hoặc cũng có thể đặt thành khám hay gian thờ ngay trong thượng điện. Điều đáng chú ý là trong số các vị Thánh được thờ ở Bắc Bộ có đến ba người theo truyền thuyết là bạn đồng đạo của Thánh Từ (Từ Đạo Hạnh), đó là Thánh Nguyễn (Nguyễn Minh Không), Thánh Dương Không Lộ và Thánh Giác Hải.

2.3.7. Hai dãy hành lang - gác Chuông gác Trống, nhà hậu đường, công trình phụ trợ

Đọc hai bên sườn Chùa Thầy về 2 phía là hai dãy hành lang. Mỗi dãy gồm 13 gian nhỏ ngang với khu tam bảo, tổng thể chiều dài 30m, rộng 2,8m, cao 3m. Dãy hành lang bên phải chùa phía trước bày tượng 9 vị La Hán. Các gian phía sau làm nhà kho, nơi học tập của các tăng ni, Phật tử. Dãy hành lang bên trái phía trước bày 9 vị La Hán, đối xứng bên kia các gian phía sau đặt ban thờ hậu và cũng là nơi học tập của các tăng ni, Phật tử. Các bộ vì của hành lang làm đơn giản, bào trơn đóng bén, vì kèo cầu cột trốn bày hiên với hai hàng chân cột gỗ. Cuối 2 hành lang là gác Chuông và gác Trống đối xứng nhau. Xưa kia chùa Thầy có quả chuông đồng lớn, đúc vào năm Long Phù Nguyên Hoà thứ 9 (1109), nhưng đáng tiếc đã bị mất. Chuông hiện nay

treo trong chùa được đúc vào năm Giáp Thân 1794. Lại có 7 tấm bia đá, chạm khắc vào các năm 1653, 1666, 1673, 1683, 1672, 1717. Ngoài ra, chùa lưu giữ được 26 đạo sắc phong từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 20 và một long ngai thời Trần, được xem như cổ nhất Việt Nam. [2, tr.16-21]

3. KẾT LUẬN

Như trên vừa đề cập, Chùa Thầy còn lưu tàng được hàng chục đạo sắc phong của chính quyền phong kiến trong suốt ba thế kỉ sau cùng của thiên niên kỉ thứ 2 này. Đó là biểu hiện của sự quan tâm đặc biệt của nhà nước phong kiến đối văn hóa nước nhà. Vào thời hiện đại, cũng như đã đề cập ở trên – Chùa Thầy đã được công nhận Di tích lịch sử quốc gia từ năm 1962. Bước sang thế kỉ mới, ngày 31/12/2014 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2408/QĐ-TTg công nhận Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phụng Cách là Di tích quốc gia đặc biệt [3]. Về phía dân gian, thường niên nhân dân vẫn tổ chức lễ hội truyền thống vào ngày 5 tháng Ba âm lịch. Tất cả những điều đó cho thấy một ý thức văn hóa chính thể (tín ngưỡng-địa lý-lịch sử) tồn tại và biểu hiện ra qua mọi sinh hoạt và hoạt động của cộng đồng. Đó cũng là lý do vì sao chúng tôi lại muốn thực hiện một tổng quan về danh thắng này từ góc nhìn chính thể địa văn hóa và lịch sử tổng thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Sỹ Liên (2017). *Đại Việt Sử ký Toàn thư*. Nxb. Văn học - Đông A.
2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội (2013). *Tóm tắt lý lịch di tích quốc gia đặc biệt chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá, Phụng Cách huyện Quốc Oai, Hà Nội*.
3. Chính phủ (2014). *Quyết định số 2408/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt*.

AN OVERVIEW OF THAY PAGODA IN SAI SON FROM THE PERSPECTIVE OF HOLISTIC CULTURE, HISTORY AND GEOGRAPHY

Abstract: *The scenic complex of Master Pagoda in Sai Son is not simply an architectural relic of religious beliefs. In contrast, a purely geospatial description is not sufficient to tell the depth of the cultural history of the region. It is impossible to separate the geographical description from the cultural and historical implications when looking at the entire area in a certain space. Stemming from such a sense, this article makes an overview of this scenic spot from a holistic historical and geocultural perspective.*

Keywords: *Master Pagoda, Saison, holistic historical and geocultural perspective, overview.*